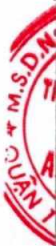


**TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11-39



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn – TNHH Một Thành viên cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Tổng Công ty

Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn – TNHH Một Thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu, ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.796.569.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm 2016, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

2. Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát viên trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo hợp nhất này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Hồng Anh	Việt Nam	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Thành viên
Bà Chu Thị Tuyết Hạnh	Việt Nam	Thành viên
Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Thành viên
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Pha	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tăng Thị Thu Lý	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02/01/2017)
Ông Phạm Quốc Tài	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 01/09/2016)

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát viên

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Việt Nam	Kiểm soát viên phụ trách
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Việt Nam	Kiểm soát viên
Bà Võ Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Kiểm soát viên (bổ nhiệm ngày 08/04/2016)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đồng ý phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2017



Số: 140/2017/BCKTHN-HCM.00147

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và các công ty con (được gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 29 tháng 04 năm 2017, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 công ty con là Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông vẫn chưa có quyết định phê duyệt quỹ lương. Do đó, quỹ lương được trích trong năm 2016 là quỹ lương tạm tính. Nếu quỹ lương được duyệt thay đổi so với quỹ lương tạm tính sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn dẫn đến lợi nhuận trong năm 2016 sẽ thay đổi theo một khoản tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của công ty con là Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính này tại ngày 17 tháng 3 năm 2017.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2017

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2014-009-1

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.714.552.737.854	2.379.739.154.106
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	979.248.530.418	736.405.735.312
Tiền	111		776.804.687.945	594.784.116.252
Các khoản tương đương tiền	112		202.443.842.473	141.621.619.060
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		251.476.010.492	155.203.810.528
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	251.476.010.492	155.203.810.528
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		762.654.985.105	633.395.907.113
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	563.326.227.781	341.544.196.673
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	70.738.319.979	79.795.861.960
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	366.286.634	43.555.954.325
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	147.940.074.132	191.273.262.914
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(22.734.391.732)	(25.791.837.070)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.018.468.311	3.018.468.311
Hàng tồn kho	140	5.8	685.183.938.572	832.384.600.572
Hàng tồn kho	141		685.183.938.572	832.384.600.572
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.989.273.267	22.349.100.581
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	1.475.232.078	2.790.343.307
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.16	47.775.377	4.406.448.115
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	34.466.265.812	15.152.309.159

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.514.680.282.145	3.346.022.695.600
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.633.870.083	60.826.641.566
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	14.633.870.083	60.826.641.566
Tài sản cố định	220		925.768.826.007	1.189.886.984.098
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	905.857.983.414	1.168.799.773.001
Nguyên giá	222		1.971.042.383.648	2.777.788.572.716
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.065.184.400.234)	(1.608.988.799.715)
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	19.910.842.593	21.087.211.097
Nguyên giá	228		32.951.707.886	32.564.887.830
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.040.865.293)	(11.477.676.733)
Bất động sản đầu tư	230	5.12	9.669.802.837	11.178.589.069
Nguyên giá	231		37.488.593.253	37.488.593.253
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(27.818.790.416)	(26.310.004.184)
Tài sản dở dang dài hạn	240		380.258.101.343	358.196.283.506
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	380.258.101.343	358.196.283.506
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	2.054.748.951.818	1.601.643.321.634
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.042.748.951.818	1.589.643.321.634
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.000.000.000	12.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		129.600.730.057	124.290.875.727
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	123.108.728.477	113.617.740.805
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.492.001.580	10.673.134.922
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.229.233.019.999	5.725.761.849.706

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.793.922.431.423	2.833.450.749.808
Nợ ngắn hạn	310		2.070.331.017.544	2.023.716.062.829
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	283.820.394.205	266.802.431.437
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	85.037.152.046	98.139.302.996
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	216.971.825.005	238.179.238.586
Phải trả người lao động	314		216.735.115.246	200.152.249.423
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17.1	16.739.047.444	23.113.871.419
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		3.128.502.993	3.128.502.993
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18.1	3.497.446.521	49.787.507.974
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19.1	236.621.656.177	243.964.972.252
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20.1	723.389.869.085	684.049.829.807
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		17.527.573.326	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		266.862.435.496	216.398.155.942
Nợ dài hạn	330		723.591.413.879	809.734.686.979
Chi phí phải trả dài hạn	333	5.17.2	11.804.699.927	13.449.465.443
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18.2	174.892.294.397	173.283.696.540
Phải trả dài hạn khác	337	5.19.2	337.038.921.856	378.322.055.337
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20.2	121.089.161.697	194.367.550.189
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		78.766.336.002	50.311.919.470
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.435.310.588.576	2.892.311.099.898
Vốn chủ sở hữu	410		3.435.310.588.576	2.892.311.099.898
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.21	1.740.891.113.278	1.582.941.527.444
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		107.293.500.000	103.411.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.21	226.270.459.398	53.428.193.664
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	5.21	397.459.860.471	349.974.011.156
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.21	755.285.155.766	609.759.863.978
LNST chưa phân phối năm trước	421a		118.358.737.808	23.564.882.334
LNST chưa phân phối năm nay	421b		636.926.417.958	586.194.981.644
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		208.110.499.663	192.796.003.656
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.229.233.019.999	5.725.761.849.706


PHẠM VĂN HƯỜNG
 Người lập


PHẠM HOÀNG HIỆP
 Kế toán trưởng




TRẦN QUỐC TOÀN
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2017

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.210.512.289.764	7.099.710.395.931
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.798.324.810	2.659.936.838
Doanh thu thuần	10	6.1	8.201.713.964.954	7.097.050.459.093
Giá vốn hàng bán	11	6.2	7.298.587.393.279	6.259.957.191.667
Lợi nhuận gộp	20		903.126.571.675	837.093.267.426
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	50.868.404.869	26.389.480.910
Chi phí tài chính	22	6.4	24.813.249.062	31.462.058.920
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		39.074.167.426	26.175.365.892
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		298.196.494.907	347.403.623.707
Chi phí bán hàng	25	6.5	185.079.270.438	155.755.972.407
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	339.184.189.418	323.025.200.093
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		703.114.762.533	700.643.140.623
Thu nhập khác	31	6.7	86.151.540.706	67.395.116.402
Chi phí khác	32	6.8	13.149.636.437	19.649.441.536
Lợi nhuận khác	40		73.001.904.269	47.745.674.866
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		776.116.666.802	748.388.815.489
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		89.804.135.174	106.319.571.196
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		3.945.399.726	(9.284.388.144)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		682.367.131.902	651.353.632.437
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		636.926.417.958	586.194.981.644
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		45.440.713.944	65.158.650.793


PHẠM VĂN HƯƠNG
 Người lập


PHẠM HOÀNG HIỆP
 Kế toán trưởng




TRẦN QUỐC TOÀN
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2017

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN


Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT


Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	776.116.666.802	748.388.815.489
Khấu hao tài sản cố định	02	152.543.466.779	213.806.423.275
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	5.565.765.679	(3.428.637.313)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(359.147.574)	(774.054.127)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(49.699.789.723)	(24.750.515.295)
Chi phí lãi vay	06	39.074.167.426	26.175.365.892
Các khoản điều chỉnh khác	07	29.659.777.999	27.637.979.317
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	952.900.907.388	987.055.377.238
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	11.387.789.845	27.830.911.027
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	147.200.662.000	(311.423.200.440)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(295.000.046.114)	(514.315.247.701)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(8.175.876.443)	(6.523.717.870)
Tiền lãi vay đã trả	14	(39.898.751.674)	(20.108.669.976)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(125.332.442.249)	(98.434.671.260)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	47.829.744.315	196.621.773.525
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(34.769.334.508)	(49.127.487.968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	656.142.652.560	211.575.066.575
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(96.928.834.880)	(120.509.213.145)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	12.741.289.071	5.316.450.957
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(321.526.309.890)	(102.516.660.557)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	275.086.810.891	42.540.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.270.177.311)	(6.140.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	70.449.497.404	942.138.138
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.555.490.288	24.177.392.404
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.892.234.427)	(156.189.892.203)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.538.324.641.769	4.539.548.481.955
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.572.262.990.983)	(4.410.051.846.183)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(360.880.858.454)	(127.522.841.301)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(394.819.207.668)	1.973.794.471
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	242.431.210.465	57.358.968.843
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	736.405.735.312	678.330.033.007
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	411.584.641	716.733.462
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	978.248.530.418	736.405.735.312


PHẠM VĂN HƯƠNG
 Người lập


PHẠM HOÀNG HIỆP
 Kế toán trưởng




TRẦN QUỐC TOÀN
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2017

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Tổng Công ty - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm 2016, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Tập đoàn

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Số 09 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp các dịch vụ bốc xếp, nâng, hạ container, phí ra cảng, cho thuê phương tiện thiết bị xe cầu, xe nâng, cho thuê kho bãi và giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Số 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	100,00%	100,00%	100,00%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	163 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	86,51%	86,51%	86,51%
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Số 42, 42A, 42C Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bốc xếp hàng hóa, kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ sửa chữa tàu ghe, cung ứng hàng hóa ăn uống và nhà trọ, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng cho ngành, đại lý giao nhận kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.	76,73%	76,73%	76,73%
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Số 720, QL 1A, KP 3B, Phường. Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Số 395 Kinh Dương Vương, An Lạc, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển và giao nhận, dịch vụ hậu cần	51,00%	51,00%	51,00%

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH VT Kumho Samco Buslines	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Vận chuyển hành khách, thuê xe hợp đồng, đưa rước nhân viên, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng.	51,00%	50,00%	51,00%
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	151A Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận chuyển, cho thuê thiết bị và điều hành tour du lịch	50,00%	50,00%	50,00%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn (được thay đổi tên từ Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn ngày 10/09/2016)	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, P10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xe buýt, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Cảng Phú Định	Số 14, đường số 1 - Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng hóa, đại lý vận tải, giao nhận hàng hóa	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Số 18 Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	Số 124 Tùng Thiện Vương, Phường 11, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng cầu đường	48,01%	48,01%	48,01%
Công ty CP Hòa Phú	Số 121 Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư kỹ thuật, dịch vụ tư vấn đầu tư, sản xuất nước tinh khiết	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty CP Ô tô An Thái	268 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Sửa chữa bảo hành xe ô tô, xe cơ giới (không gia công cơ khí tại trụ sở), mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xe ô tô hạng sang – phụ tùng – phụ kiện - sửa chữa và bảo dưỡng ô tô các loại	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	26 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP.HCM	Chuyên bán các loại xe ô tô Toyota mới, dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô	37,67%	37,67%	37,67%
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	Số 33 Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	36,60%	36,60%	36,60%
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh	37,58%	37,58%	37,58%
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Số 13 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất xe có động cơ	30,00%	30,00%	30,00%

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	Số 51/13, Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ	29,93%	29,93%	29,93%
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	Số 695 Quang Trung, P8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp và phân phối các sản phẩm xe thương mại nhãn hiệu Isuzu	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh	Số 9 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ	26,01%	26,01%	13,27%
Công ty TNHH Dịch vụ Công Ten nơ ERRIA	7-9-11 Mai Thị Lựu, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ	24,99%	24,99%	12,74%
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	Số 9 Nguyễn Công Trứ P. Nguyễn Thái Bình Q.1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ	26,01%	26,01%	13,27%
Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng	Khu B1-6 KCN Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, P. Thọ Quang, TP Đà Nẵng	Vận tải hàng hóa đường bộ	56,44%	56,44%	56,44%
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu	Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hoá đường bộ, đường biển	45,15%	45,15%	45,15%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trong bảng cân đối kế toán, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của các công ty liên kết. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tập đoàn không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính là bằng không (0). Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Tập đoàn chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là quyền cùng chi phối của các bên góp vốn liên doanh về các chính sách tài chính và hoạt động đối với một hoạt động kinh tế trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng.

Phần vốn góp của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Trường hợp Tập đoàn giao dịch với các đơn vị liên doanh của Tập đoàn, lãi/lỗ chưa thực hiện, tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào đơn vị liên doanh được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**TÔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**TÔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đối với dịch vụ sửa chữa và lắp ráp xe, Tập đoàn áp dụng hình thức khoán vật tư, nhân công theo định mức cho từng loại dịch vụ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà, xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 07

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa.

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 – 05 năm.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, trong đó:

	Năm
Tiền thuê đất	50
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	03

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1-3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

4.15 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng trong năm bao gồm doanh thu đại lý mua bán xe các loại và xe buýt tự sản xuất, xe chuyên dùng tự sản xuất và nhập khẩu.



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo qui định hiện hành, các báo cáo thuế của các công ty Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.20 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	TP.HCM	Công ty Liên doanh
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	TP.HCM	Công ty Liên doanh
Công ty CP Cảng Phú Định	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn (được thay đổi tên từ Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn)	TP.HCM	Công ty con trước ngày 30/09/2016, Công ty liên kết từ ngày 30/09/2016
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Hoà Phú	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	TP.HCM	Công ty Liên kết (Công ty con trước ngày 14/09/2016)
Công ty CP Cơ Khí Ô tô Thủ Đức	TP.HCM	Công ty Liên kết (Không còn là công ty Liên kết từ ngày 20/04/2016)
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh	TP.HCM	Công ty Liên kết (Không còn là công ty Liên kết từ ngày 03/03/2016)
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Ô tô An Thái	TP.HCM	Công ty Liên kết (Công ty con trước ngày 14/09/2016)
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Công Ten nơ ERRIA	TP.HCM	Công ty Liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Tổng Công ty (gồm các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát).

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt tồn quỹ	9.662.676.295	7.551.240.814
Tiền gửi ngân hàng	767.142.011.650	517.232.875.438
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	202.443.842.473	211.621.619.060
	979.248.530.418	736.405.735.312

5.2 Các khoản đầu tư

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm.

5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(a)	2.042.748.951.818	1.589.643.321.634
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(b)	12.000.000.000	12.000.000.000
		2.054.748.951.818	1.601.643.321.634

(a) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty CP Cảng Phú Định	181.812.453.243	172.203.032.819
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	26.309.497.709	16.724.238.692
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	84.532.168.575	70.050.444.766
Công ty TNHH Isuzu Việt Nam	256.098.692.640	302.747.786.760
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	775.262.211.170	633.874.703.383
Công ty TNHH Dịch Vụ Ô Tô Sài Gòn Toyota Tshusho	41.306.503.287	38.564.247.296
Công ty CP Hòa Phú	50.002.257.183	49.594.989.473
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	-	1.367.827.850
Công ty CP Vận Tải Ô Tô Số 2	15.432.765.597	17.711.829.733
Công ty LD Vận tải Thủy Sea Sài Gòn	-	18.983.934.769
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	133.364.797.264	118.071.562.745
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	31.767.447.777	31.767.447.777
Công ty LD giao nhận kho vận Bình Minh	42.739.443.732	58.588.476.288
Công ty TNHH Dịch vụ Công Ten Nơ ERRIA	6.261.274.672	12.330.300.197
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	630.839.418	4.873.500.000
Công ty CP Tân Cảng - Phú Hữu	77.313.041.298	-
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	295.214.343.899	-
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	16.741.131.866	-
Công ty CP Ô tô An Thái	7.960.082.488	-
Công ty CP Dịch Vụ Ô Tô Hàng Xanh	-	42.188.999.086
	2.042.748.951.818	1.589.643.321.634

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đây là khoản đầu tư vào Công ty CP Thương mại Dịch vụ Quảng Trường Quốc Tế từ Công ty CP Vận tải Biển Sài Gòn

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	1.805.137.950	1.277.415.405
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	6.212.693.352	266.406.510
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	627.482.207	556.455.507
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	204.947.329	89.058.238
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh	1.098.243.838	1.005.618.265
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	160.919.707	-
Các tổ chức khác		
Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Ô Tô Gia Định	125.602.546.960	9.022.296.960
Các khách hàng khác	427.614.256.438	329.326.945.788
	563.326.227.781	341.544.196.673

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Hòa Phú	12.000.000.000	143.387.619
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	-	927.223.899
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	5.183.789.000	5.550.680.000
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	-	37.961.671
Các tổ chức khác		
Công ty CP Kỹ Nghệ và Hạ Tầng Telin	21.353.303.664	-
Các nhà cung cấp khác	32.201.227.315	73.136.608.771
	70.738.319.979	79.795.861.960

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	-	3.247.993.525
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	366.286.634	366.286.634
Công ty CP Cảng Phú Định	-	39.941.674.166
	366.286.634	43.555.954.325

5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu cổ phần hóa	405.922.093	-	206.346.796	-
Lãi dự thu, lãi cho vay phải thu	1.209.378.418	-	1.223.980.266	-
Phải thu khác	47.947.350.812	-	78.074.440.701	-
Tạm ứng	33.827.118.895	-	24.183.260.869	-
Tạm ứng cho đội thi công	64.019.503.725	-	67.070.184.431	-
Ký quỹ	530.800.189	-	20.515.049.851	-
	147.940.074.132	-	191.273.262.914	-

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Dĩ An	10.000.000.000	-	50.090.431.483	-
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 9	1.856.875.000	-	1.856.875.000	-
Phải thu khác	1.974.540.083	-	-	-
Ký quỹ tại ngân hàng	-	-	6.904.795.000	-
Ký quỹ khác	802.455.000	-	1.974.540.083	-
	14.633.870.083	-	60.826.641.566	-

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.7 Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thẻ thu hồi VND
Bên liên quan				
Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	5.849.054.747	-	(5.849.054.747)	5.849.054.747
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	489.892.425	-	(489.892.425)	489.892.425
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam Các khách hàng khác	619.490.295	-	(619.490.295)	619.490.295
Công ty TNHH Quốc Đạt	5.128.185.922	-	(5.128.185.922)	5.128.185.922
Công ty TNHH TM DV Phương Hoàng	3.122.999.995	-	(3.122.999.995)	3.122.999.995
Các khách hàng khác	7.524.768.348	-	(7.524.768.348)	10.582.213.686
	22.734.391.732	-	(22.734.391.732)	25.791.837.070



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	327.972.724	-	11.196.699.955	-
Nguyên liệu, vật liệu	260.262.267.948	-	217.386.662.213	-
Công cụ dụng cụ	1.558.751.671	-	1.516.609.980	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	147.189.107.556	-	138.480.808.338	-
Thành phẩm	172.615.580.532	-	256.453.679.591	-
Hàng hóa	99.137.221.870	-	207.220.938.104	-
Hàng gửi đi bán	4.093.036.271	-	129.202.391	-
	685.183.938.572	-	832.384.600.572	-

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công cụ dụng cụ	54.079.545	457.747.258
Chi phí sửa chữa	697.186.547	400.055.812
Chi phí khác	723.965.986	1.932.540.237
	1.475.232.078	2.790.343.307

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền thuê đất	38.929.871.672	26.025.800.909
Công cụ dụng cụ	894.786.419	189.044.192
Chi phí sửa chữa	10.486.390	585.467.882
Chi phí san lấp mặt bằng Cảng Phú Hữu	39.197.133.218	42.094.740.414
Chi phí đến bù giải phóng mặt bằng Cảng Phú Hữu	41.492.821.213	41.492.821.213
Chi phí khác	2.583.629.565	3.229.866.195
	123.108.728.477	113.617.740.805

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.10	Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản Khác VND	Tổng cộng VND
	Nguyên giá						
	Tại ngày 01/01/2016	1.418.495.879.093	208.332.225.604	1.040.555.823.153	40.528.306.749	69.876.338.117	2.777.788.572.716
	Mua sắm trong năm	2.425.093.566	17.614.480.863	36.674.975.097	2.198.749.545	163.519.273	59.076.818.344
	Đầu tư XDCB hoàn thành	11.128.992.148	686.813.072	3.168.159.998	-	-	14.983.965.218
	Tăng khác	561.748.085	-	1.106.081.037	-	698.130.972	2.365.960.094
	Giảm do thanh lý	(5.446.670.538)	(9.862.691.847)	(11.403.682.336)	(868.011.015)	-	(27.581.055.736)
	Giảm khác	(155.628.216.129)	(13.107.452.572)	(667.579.094.675)	(16.549.650.420)	(2.727.463.192)	(855.591.876.988)
	Tại ngày 31/12/2016	1.271.536.826.225	203.663.375.120	402.522.262.274	25.309.394.859	68.010.525.170	1.971.042.383.648
	Giá trị hao mòn lũy kế						
	Tại ngày 01/01/2016	530.691.775.827	96.466.270.617	936.213.347.346	23.834.288.422	21.783.117.503	1.608.988.799.715
	Khấu hao trong năm	90.409.169.633	25.023.847.465	17.053.168.551	3.520.097.395	13.424.528.999	149.430.812.043
	Tăng khác	-	-	98.465.036	-	-	98.465.036
	Giảm do thanh lý	(2.459.258.458)	(9.833.785.810)	(6.380.245.047)	(868.011.015)	-	(19.541.300.330)
	Giảm khác	(52.660.732.297)	(6.835.585.726)	(604.139.488.414)	(8.701.930.976)	(1.454.638.817)	(673.792.376.230)
	Tại ngày 31/12/2016	565.980.954.705	104.820.746.546	342.845.247.472	17.784.443.826	33.753.007.685	1.065.184.400.234
	Giá trị còn lại						
	Tại ngày 01/01/2016	887.804.103.266	111.865.954.987	104.342.475.807	16.694.018.327	48.093.220.614	1.168.799.773.001
	Tại ngày 31/12/2016	705.555.871.520	98.842.628.574	59.677.014.802	7.524.951.033	34.257.517.485	905.857.983.414

Tại ngày 31/12/2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 349.912.954.076 VND được thế chấp ở Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.11 Tài sản cố định vô hình		Phần mềm máy tính	Hệ thống quản lý chat lượng	Quyền sử dụng đất	Lợi thế thương mại	Chi phí giải phóng mặt bằng	Tổng cộng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2016		10.288.848.715	217.654.582	11.192.092.000	1.425.873.503	9.440.419.030	32.564.887.830
Tăng trong năm		29.400.000	-	-	-	-	29.400.000
Tăng do XDCB		398.100.000	-	-	-	-	398.100.000
Giảm khác		(40.679.944)	-	-	-	-	(40.679.944)
Tại ngày 31/12/2016		29.400.000	217.654.582	11.192.092.000	1.425.873.503	9.440.419.030	32.951.707.886
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2016		6.981.588.475	217.654.582	877.402.000	1.425.873.503	1.975.158.173	11.477.676.733
Khấu hao trong năm		1.396.500.152	-	-	-	207.368.352	1.603.868.504
Giảm khác		(40.679.944)	-	-	-	-	(40.679.944)
Tại ngày 31/12/2016		8.337.408.683	217.654.582	877.402.000	1.425.873.503	2.182.526.525	13.040.865.293
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2016		3.307.260.240	-	10.314.690.000	-	7.465.260.857	21.087.211.097
Tại ngày 31/12/2016		2.338.260.088	-	10.314.690.000	-	7.257.892.505	19.910.842.593

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.12 Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà kho, bến bãi VND	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2016	10.525.737.911	8.992.704.000	17.970.151.342	37.488.593.253
Tại ngày 31/12/2016	10.525.737.911	8.992.704.000	17.970.151.342	37.488.593.253
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2016	8.170.550.782	5.079.596.938	13.059.856.464	26.310.004.184
Khấu hao trong năm	195.528.516	194.681.976	1.118.575.740	1.508.786.232
Tại ngày 31/12/2016	8.366.079.298	4.350.385.150	15.102.325.968	27.818.790.416
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	2.355.187.129	3.913.107.062	4.910.294.878	11.178.589.069
Tại ngày 31/12/2016	2.159.658.613	4.642.318.850	2.867.825.374	9.669.802.837

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công trình xây dựng Bến xe Miền Đông mới	315.731.296.095	312.222.107.457
Các công trình khác	64.526.805.248	45.974.176.049
	380.258.101.343	358.196.283.506

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan		
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	599.910.000	-
Công ty CP Hòa Phú	6.953.000	281.293.187
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	138.773.531	140.620.054
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	32.498.534.690	4.299.508.229
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	381.574.815	734.254.165
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	4.974.545.456	6.698.909.091
Công ty CP Công trình Giao Thông Quận 8	37.737.200	53.928.014
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh	-	710.046.260
Các tổ chức khác	245.182.365.513	253.883.872.437
	283.820.394.205	266.802.431.437

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	-	5.600.000
Các tổ chức khác		
Công ty CP bất động sản Tiến Phước	30.143.773.930	-
Các khách hàng khác	54.893.378.116	98.133.702.996
	85.037.152.046	98.139.302.996

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") đầu vào được khấu trừ	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	<u>47.775.377</u>	<u>4.406.448.115</u>
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế TNDN nộp thừa	21.830.026.939	284.962.580
Thuế thu nhập cá nhân	6.523.495.549	5.414.071.365
Thuế đất	6.101.174.508	9.446.775.638
Thuế khác	11.568.816	6.499.576
	<u>34.466.265.812</u>	<u>15.152.309.159</u>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	21.607.160.808	4.568.307.437
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.864.592.274	36.017.743.409
Thuế thu nhập cá nhân	1.104.010.621	1.441.849.169
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.108.668.322	10.980.962.335
Thuế khác	174.287.392.980	185.170.376.236
	<u>216.971.825.005</u>	<u>238.179.238.586</u>
5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn		
5.17.1 Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công trình xây dựng	14.866.629.617	17.079.010.097
Chi phí khác	1.872.417.827	6.034.861.322
	<u>16.739.047.444</u>	<u>23.113.871.419</u>
5.17.2 Chi phí phải trả dài hạn	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền thuê đất	<u>11.804.699.927</u>	<u>13.449.465.443</u>
5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn		
5.18.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cung cấp hàng hóa	2.718.181.818	47.888.729.997
Doanh thu chưa thực hiện khác	779.264.703	1.898.777.977
	<u>3.497.446.521</u>	<u>49.787.507.974</u>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.18.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan - Dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng		
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	113.847.857.860	119.122.662.045
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	50.348.907.447	47.433.006.546
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn khác	10.695.529.090	6.728.027.949
	174.892.294.397	173.283.696.540

5.19 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Kinh phí công đoàn	100.009.458	614.655.221
BHXH, BHYT, BHTN	156.859.164	244.751.804
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.238.568.202	6.828.351.029
Lãi vay phải trả	2.408.986.850	3.233.571.098
Nhận ký quỹ ngắn hạn	8.373.479.466	6.921.191.847
Phải trả các đội thi công	197.295.537.329	186.056.067.263
Phải trả khác	23.048.215.708	40.066.383.990
	236.621.656.177	243.964.972.252

5.19.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nhận ký quỹ dài hạn	3.737.276.197	14.699.975.934
Ngân sách cấp tiền dự án Bến xe Miền Đông mới	323.900.550.239	363.306.899.403
Phải trả khác	9.401.095.420	315.180.000
	337.038.921.856	378.322.055.337

5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng	561.184.479.348	511.951.562.179
Các đơn vị khác	131.270.510.085	124.515.572.859
Kỳ phiếu nội bộ	5.150.000.000	6.035.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	25.784.879.652	41.547.694.769
	723.389.869.085	684.049.829.807

5.20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng	96.371.698.689	149.924.904.958
Các đơn vị khác	50.502.342.660	85.990.340.000
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(25.784.879.652)	(41.547.694.769)
	121.089.161.697	194.367.550.189

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.21	Vốn chủ sở hữu	VND	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	VND	Quỹ đầu tư phát triển	VND	Quỹ dự phòng tài chính	VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND	Tổng cộng	VND
Số dư 01/01/2015		1.454.884.762.360		129.875.210.589		4.318.656.368		345.864.113.574		396.141.529.782		2.331.084.272.673		
Điều chỉnh số dư đầu năm theo biên bản chỉ cục Tài chính TP. Hồ Chí Minh		13.685.540.009		4.257.595.840		(4.318.656.368)		-		25.443.964.317		39.068.443.798		
Số dư 01/01/2015		1.468.570.302.369		134.132.806.429		-		-		421.585.494.099		2.024.288.602.897		
Tăng vốn trong năm		111.352.756.764		-		-		-		-		111.352.756.764		
Lãi trong năm		-		-		-		-		511.596.499.693		511.596.499.693		
Trích quỹ		-		149.292.868.624		-		-		(319.264.369.325)		(169.971.500.701)		
Sử dụng quỹ		-		(210.223.873.598)		-		-		-		(210.223.873.598)		
Tặng khác		3.018.468.311		-		-		4.109.897.582		24.000.000		7.152.365.893		
Giảm khác		-		(31.924.064.519)		-		-		(11.367.157.039)		(43.291.221.558)		
Số dư 31/12/2015		1.582.941.527.444		41.277.736.936		-		349.974.011.156		602.574.467.428		2.230.903.629.390		
Số dư 01/01/2016		1.582.941.527.444		41.277.736.936		-		349.974.011.156		602.574.467.428		2.230.903.629.390		
Điều chỉnh số dư đầu năm theo biên bản chỉ cục Tài chính TP. Hồ Chí Minh, Biên bản kiểm toán Nhà nước		-		12.150.456.728		-		-		7.185.396.550		19.335.853.278		
Số dư 01/01/2016		1.582.941.527.444		53.428.193.664		-		349.974.011.156		609.759.863.978		2.596.103.596.242		
Tăng vốn trong năm		157.949.585.834		-		-		-		-		157.949.585.834		
Lãi trong năm		-		-		-		-		-		636.926.417.958		
Trích quỹ		-		177.190.400.790		-		-		(177.190.400.790)		(111.185.395.106)		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		-		-		-		-		-		(111.185.395.106)		



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Sử dụng quỹ	-	(4.584.577.973)	-	-	-	(4.584.577.973)
Tăng khác	-	-	-	47.485.849.315	14.912.229.360	62.398.078.675
Giảm khác	-	-	-	-	(15.414.588.934)	(15.414.588.934)
Số dư 31/12/2016	1.740.891.113.278	226.270.459.398	-	397.459.860.471	755.285.155.767	3.119.906.588.913

Tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn chưa phân phối lợi nhuận theo hướng dẫn Nghị định 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp.

5.22 Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2016	01/01/2016
USD	1.208.789,08	682.547,56



**TÔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu thuần

	2016	2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng		
Doanh thu bán hàng hóa	3.502.954.894.106	3.161.034.533.031
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	2.601.234.090.983	1.829.688.602.790
Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	291.074.009.356	289.978.129.356
Doanh thu khác	1.815.249.295.319	1.819.009.130.754
	8.210.512.289.764	7.099.710.395.931
Các khoản giảm trừ doanh thu	(8.798.324.810)	(2.659.936.838)
Doanh thu thuần	8.201.713.964.954	7.097.050.459.093

6.2 Giá vốn hàng bán

	2016	2015
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	3.361.462.273.356	3.095.664.184.640
Giá vốn tiêu thụ thành phẩm	2.332.258.176.948	1.499.700.857.688
Giá vốn cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	277.008.144.819	246.798.677.216
Giá vốn khác	1.327.858.798.156	1.417.793.472.123
	7.298.587.393.279	6.259.957.191.667

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	23.460.711.713	15.761.756.904
Doanh thu kinh doanh chứng khoán	9.703.591.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.376.585.727	5.099.467.496
Lãi tỷ giá hối đoái	806.800.186	533.738.161
Thu nhập tài chính khác	7.161.568.669	4.220.464.222
Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối năm	359.147.574	774.054.127
	50.868.404.869	26.389.480.910

6.4 Chi phí tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	39.074.167.426	26.175.365.892
Hoàn nhập dự phòng	(16.688.580.000)	1.049.425.000
Lỗ tỷ giá hối đoái	1.048.613.589	279.384.595
Chi phí tài chính khác	1.379.048.047	3.957.883.433
	24.813.249.062	31.462.058.920

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.5 Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	36.277.830.661	55.637.692.120
Chi phí vật liệu	1.553.924.658	1.538.589.031
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.958.663.492	3.282.737.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.635.844.513	4.258.937.480
Chi phí bảo hành	4.167.360.556	191.757.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.295.967.924	33.634.886.614
Chi phí bằng tiền khác	78.189.678.634	57.211.372.137
	185.079.270.438	155.755.972.407

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	164.855.375.903	159.349.960.824
Chi phí vật liệu	2.216.954.756	1.908.719.616
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.815.655.452	15.583.502.885
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.382.592.499	28.201.492.763
Thuế, phí và lệ phí	8.768.282.056	6.601.323.440
Chi phí dự phòng	18.086.985.123	(4.669.819.397)
Trích quỹ khoa học công nghệ	29.630.611.284	29.424.906.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.691.254.338	58.777.111.800
Chi phí bằng tiền khác	46.736.478.007	27.848.001.205
	339.184.189.418	323.025.200.093

6.7 Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	7.158.901.283	-
Thu từ cho thuê mặt bằng	21.890.505.930	21.262.873.432
Thu nhập khác	57.102.133.493	46.132.242.970
	86.151.540.706	67.395.116.402

6.8 Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	1.279.032.679
Phạt vi phạm hành chính	1.253.589.580	1.040.298.186
Thu nhập khác	11.896.046.857	17.330.110.671
	13.149.636.437	19.649.441.536

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực là mua bán xe – phụ tùng xe, dịch vụ kèm theo, ... và chủ yếu tập trung hoạt động ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

7.2 Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 đã được điều chỉnh lại theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước khu vực IV và Biên bản kiểm tra của Chi cục tài chính thành phố Hồ Chí Minh. Thay đổi số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	31/12/2015 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	01/01/2016 Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	338.918.312.782	2.625.883.891	341.544.196.673	(*)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(25.954.831.557)	162.994.487	(25.791.837.070)	(*)
Hàng tồn kho	141	831.164.649.080	1.219.951.492	832.384.600.572	
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.633.889.208	156.454.099	2.790.343.307	
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	7.084.770.418	8.067.538.741	15.152.309.159	(*)
Tài sản cố định hữu hình	221	1.167.291.184.449	1.508.588.552	1.168.799.773.001	(*)
Chi phí trả trước dài hạn	261	108.613.540.805	5.004.200.000	113.617.740.805	(*)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12.134.983.336	(1.461.848.414)	10.673.134.922	(*)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	266.782.119.291	20.312.145	266.802.431.436	(*)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	232.821.436.572	5.357.802.014	238.179.238.586	(*)
Phải trả người lao động	314	205.851.779.423	(5.699.530.000)	200.152.249.423	(*)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24.758.636.935	(1.644.765.516)	23.113.871.419	(*)
Phải trả ngắn hạn khác	319	244.146.438.352	(181.466.100)	243.964.972.252	(*)
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	50.232.322.339	79.597.131	50.311.919.470	(*)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	103.395.540.105	15.959.895	103.411.500.000	(*)
Quỹ đầu tư phát triển	418	41.277.736.936	12.150.456.728	53.428.193.664	(*)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	602.574.467.428	7.185.396.550	609.759.863.978	(*)

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	2015 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	2015 Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất					
Giá vốn hàng bán	11	6.284.777.007.116	(24.819.815.449)	6.259.957.191.667	(*)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	812.273.451.977	24.819.815.449	837.093.267.426	(*)
Chi phí tài chính	22	31.425.786.880	36.272.040	31.462.058.920	(*)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	333.980.416.931	(10.955.216.838)	323.025.200.093	(*)
Thu nhập khác	31	70.416.958.054	(3.021.841.652)	67.395.116.402	(*)
Chi phí khác	32	22.852.749.288	(3.203.307.752)	19.649.441.536	(*)
Lợi nhuận khác	40	47.564.208.766	181.466.100	47.745.674.866	(*)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	99.718.705.480	6.600.865.716	106.319.571.196	(*)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	622.034.271.806	29.319.360.631	651.353.632.437	(*)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất					
Lợi nhuận trước thuế	01	712.468.589.142	35.920.226.347	748.388.815.489	(*)
Khấu hao tài sản cố định	02	214.039.631.827	(233.208.552)	213.806.423.275	(*)
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	(1.853.954.799)	(1.574.682.514)	(3.428.637.313)	(*)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(25.081.688.622)	331.173.327	(24.750.515.295)	(*)
Các khoản điều chỉnh khác	07	27.558.382.186	79.597.131	27.637.979.317	(*)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	32.640.612.768	(4.809.701.741)	27.830.911.027	(*)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(310.074.046.557)	(1.349.153.883)	(311.423.200.440)	(*)
(Tăng)/giảm các khoản phải trả	11	(495.976.042.012)	(18.339.205.689)	(514.315.247.701)	(*)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.363.063.771)	(5.160.654.099)	(6.523.717.870)	(*)
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(119.233.833.145)	(1.275.380.000)	(120.509.213.145)	(*)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	5.647.624.284	(331.173.327)	5.316.450.957	(*)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(99.258.823.557)	(3.257.837.000)	(102.516.660.557)	(*)

(*) Tập đoàn điều chỉnh lại theo bản chất của nghiệp vụ phát sinh dẫn đến số dư các tài khoản liên quan thay đổi.

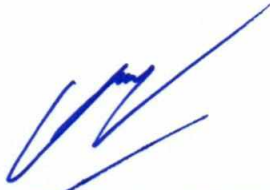
**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



PHẠM VĂN HƯỜNG
Người lập



PHẠM HOÀNG HIỆP
Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2017

